TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ PHƯỚC LONG** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **12**/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24 – 8 -2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHƯỚC LONG, TỈNH BÌNH PHƯỚC

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Thảo
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hà Xuân Thuấn
2. Ông Võ Đông Quang

***- Thư ký phiên tòa**:* Bà Nguyễn Thị Như Ý – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

***-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phước Long tham gia phiên tòa*:** Ông PhạmVăn Lợi – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phước Long, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2018 về *"Ly hôn tranh chấp về nuôi con",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXX - ST ngày 23 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1979 (Cómặt)

Bịđơn: Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1969 (Vắngmặt)

Cùng trú tại: Khu phố G, phường L, thị xã P, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Hoàng Thị Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Đ và ông Nguyễn Đình T sau thời gian tìm hiểu đã tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/7/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P (cũ), nay là Ủy ban nhân dân phường L, được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 77, quyển số 01/2006. Sau khi vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên hay cãi nhau, ông T hay ghen tuông, đánh đập, chửi mắng bà Đ, ngoài ra vợ chồng còn

phát sinh mâu thuẫn do kinh tế gia đình gặp khó khăn một thời gian dài. Vì những bất đồng không thể giải quyết được, bà Đ và ông T sống ly thân từ năm 2014 đến nay, trong khoảng thời gian sống ly thân ông T không quan tâm đến gia đình, vợ con nữa, bà Đ nhận thấy cũng không còn tình cảm với ông T. Vì vậy, bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà Đ được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, bà Đ và ông T có 02 người con chung là Nguyễn Thị Lê V, sinh ngày 09/02/2000 và Nguyễn Đình P, sinh ngày 25/5/2001. Cháu V đã thành niên có khả năng lao động nên bà Đ không yêu cầu giải quyết; còn cháu Nguyễn Đình P từ trước đến nay sống với bà Đ nên bà Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phú cho đến khi P thành niên đủ 18 tuổi. Bà Đ không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/4/2018, ông Nguyễn Đình T trình bày:

*Về quan hệ hôn nhân:*Ông T trình bày việc kết hôn giữa ông T và bà Đ là tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/7/2006 tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P (cũ). Trong quá trình chung sống, ông T thừa nhận có phát sinh mâu thuẫn từ các vấn đề như kinh tế gia đình gặp khó khăn, bà Đ không quan tâm đến gia đình, có lần bỏ nhà đi khoảng 03 tháng mới về, ông T cũng thừa nhận việc ông T có đánh bà Đ và ông T, bà Đ đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay, không ai quan tâm đến ai nữa. Ông T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông T đồng ý ly hôn với bà Hoàng Thị Đ.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, ông T và bà Đ có 02 người con chung là Nguyễn Thị Lê V, sinh ngày 09/02/2000 và Nguyễn Đình P, sinh ngày 25/5/2001. Cháu V đã thành niên có khả năng lao động nên ông T không yêu cầu giải quyết; còn cháu Nguyễn Đình P từ trước đến nay sống với bà Đ nên ông T đồng ý giao cháu P cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi P thành niên đủ 18 tuổi. Ông T không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đình T được Tòa án nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập, chỉ tuân theo pháp luật. Nguyên đơn đã tuân thủ đúng trình tự thủ tục quy định của

Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục vắng mặt của bị đơn.

- Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, 57; 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và gia đình; điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị Đ; tuyên bà Đ phải chịu án phí Hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phước Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự .

Tòa án đã triệu tập bị đơn ông Nguyễn Đình T hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Hoàng Thị Đ và ông Nguyễn Đình T kết hôn với nhau vào ngày 05/7/2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P, huyện P (cũ), tỉnh Bình Phước. Đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do kinh tế gia đình khó khăn, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung khiến vợ chồng hay cãi nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, bà Đ và ông T bắt đầu sống ly thân từ năm 2014 đến nay và trong quá trình sống ly thân không ai quan tâm đến ai. Qua xác minh tại địa phương nơi bà Đ và ông T chung sống trước đây thì được biết thực tế giữa bà Đ và ông T có mâu thuẫn trong việc làm ăn, vợ chồng cãi nhau thường xuyên và đã sống ly thân thời gian dài. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà Đ và ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét yêu cầu xin ly hôn của bà Hoàng Thị Đ là có căn cứ nên cần được chấp nhận. Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình 2014 xử cho bà Đ được ly hôn ông Nguyễn Đình T.

[3] Về con chung: Ông T và bà Đ có 02 người con chung là Nguyễn Thị Lê V, sinh ngày 09/02/2000 và Nguyễn Đình P, sinh ngày 25/5/2001. Cháu V đã thành niên có khả năng lao động nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Ghi nhận sự thống nhất ý kiến của bà Đ và ông T về con chung là: Bà Hoàng Thị Đ được trực tiếp nuôi dưỡng con

chung Nguyễn Đình Phú, sinh ngày 25/5/2001 cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi. Ông T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Bà Đ và ông T đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về nợ chung: Bà Đ và ông T đều trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án bà Đ phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí bà Đ đã nộp theo Biên lai thu số 0005918 ngày 27/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 56; 57; 58; 81; 82; 83; 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí - lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị Đ được ly hôn với ông Nguyễn Đình T.

[2] Về con chung: Giao con chung Nguyễn Đình P, sinh ngày 25/5/2001 cho bà Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Đình T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đìnhnăm 2014 Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi người có yêu cầu được quy định tại Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án có thể thay đổi về việc cấp dưỡng.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Hoàng Thị Đ phảichịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí Hôn nhân gia đình không có giá ngạch, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng bà Đ đã nộp theo Biên lai thu số 0005918 ngày27/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước.

[4]. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án 24/8/2018, bị đơn vắng mặt có quyền kháng

cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

"Trường hợp Quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;
- VKSND thị xã Phước Long;
- THA DS TX P.Long
- UBND phường;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, Tòa án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đoàn Ngọc Thảo